

LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ
HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2024



KẾT QUẢ PHỨC TRA
KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ ĐỢT 1 NĂM 2024
KHU VỰC PHÍA BẮC

(Ban hành kèm theo Thông báo số 68/TB-HĐKT ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư đợt 1/2024)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
1	Đỗ Thành	Ân	22/12/1981	TP. Hà Nội	06	38.75	63.875	55	50		ĐẠT
2	Lê Huyền	Anh	11/09/1975	TP. Hà Nội	08	38.75	65.25	50	50		ĐẠT
3	Lê Thuý Lan	Anh	11/05/1985	TP. Hà Nội	09	38.75	77	50	50		ĐẠT
4	Trần Thị Vân	Anh	16/06/1997	TP. Hà Nội	10	45	53.125	51.5	39.375		KHÔNG ĐẠT
5	Nguyễn Thị Hà	Anh	09/06/1978	TP. Hà Nội	14	42.125	52	50	33.625		KHÔNG ĐẠT
6	Đào Thị Ngọc	Anh	04/04/1999	TP. Hà Nội	15	42.5	58.5	51	42.375		KHÔNG ĐẠT
7	Nguyễn Tuấn	Anh	28/07/1977	TP. Hà Nội	17	41.75	59.87	50	41.875		KHÔNG ĐẠT
8	Đông Tuấn	Anh	04/01/1988	TP. Hà Nội	24	45.975	63	50	37.5		KHÔNG ĐẠT
9	Ngô Thị	Anh	18/09/1989	TP. Hà Nội	28	32.5	67.625	67.5	35.625		KHÔNG ĐẠT
10	Bùi Thị Ngọc	Ánh	15/06/1998	TP. Hà Nội	30	39.25	62.75	52.5	40		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
11	Nguyễn Thị	Ánh	28/02/1984	TP. Hà Nội	33	47.5	52	50	38		KHÔNG ĐẠT
12	Trần Sơn	Bách	02/01/1992	TP. Hà Nội	38	44.375	40.5	60	38.875	47	KHÔNG ĐẠT
13	Nguyễn Văn	Bài	24/06/1975	TP. Hà Nội	40	38.125	59.125	55	40.75		KHÔNG ĐẠT
14	Lương Văn	Ban	01/10/1996	TP. Hà Nội	42	36.25	60	57.5	40.125		KHÔNG ĐẠT
15	Nguyễn Văn	Bằng	02/01/1978	Bắc Ninh	43	39.5	63.5	50	43.125		KHÔNG ĐẠT
16	Vũ Văn	Bằng	05/09/1978	TP. Hà Nội	45	40	60.875	52.5	36		KHÔNG ĐẠT
17	Đỗ Ngọc	Bảo	14/10/1995	TP. Hà Nội	47	31.75	54.75	57.5	29.375		KHÔNG ĐẠT
18	Nguyễn Khắc	Bình	15/02/1992	TP. Hà Nội	52	40	68.125	55	38.125		KHÔNG ĐẠT
19	Dương Linh	Chi	28/12/1996	Thái Nguyên	54	43.125	65.375	57.5	36.75		KHÔNG ĐẠT
20	Trần Kim	Chi	12/12/1997	TP. Hà Nội	55	26.25	58.625	55	26.875		KHÔNG ĐẠT
21	Nguyễn Xuân	Công	24/10/1987	TP. Hà Nội	62	45.625	65	50	37.375		KHÔNG ĐẠT
22	Lò Việt	Cường	01/01/1998	TP. Hà Nội	67	25.875	39.75	52.5	30		KHÔNG ĐẠT
23	Vũ	Đại	06/09/1975	TP. Hà Nội	73	37.5	55.5	50	36.125		KHÔNG ĐẠT
24	Nguyễn Tiến	Đạt	26/01/1996	TP. Hà Nội	78	51	41.125	51.5		41.5	KHÔNG ĐẠT
25	Nguyễn Xuân	Dậu	10/01/1988	TP. Hà Nội	80	42.25	52.37	52	33.125		KHÔNG ĐẠT
26	Lường Thị	Đình	10/10/1990	TP. Hà Nội	85	32.75	59	50.5	34.375		KHÔNG ĐẠT
27	Nguyễn Đăng	Đông	02/09/1977	TP. Hà Nội	87	34.375	39.375	56.5	33.75	41.25	KHÔNG ĐẠT
28	Bùi Huy	Đức	29/09/1998	TP. Hà Nội	92	39.625	62.5	50.5	43		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
29	Đoàn Thùy	Dung	27/01/1997	Quảng Ninh	95	45.875	69.75	59.5	37.5		KHÔNG ĐẠT
30	Nguyễn Thị	Được	10/05/1981	TP. Hà Nội	104	37.5	62.25	57.5	50.5		ĐẠT
31	Hoàng Lê	Dương	26/09/1996	Thái Nguyên	105	36.875	51.5	50	42.5		KHÔNG ĐẠT
32	Nguyễn Thùy	Dương	29/10/1999	TP. Hà Nội	111	43.375	57.25	52.5	38.125		KHÔNG ĐẠT
33	Hoàng Văn	Duyên	01/06/1996	TP. Hà Nội	118	36.25	68.375	50	36.875		KHÔNG ĐẠT
34	Phan Thị Hà	Giang	07/05/1996	TP. Hà Nội	122	40.625	51	50	33.125		KHÔNG ĐẠT
35	Trần Hồng	Giang	14/09/1983	TP. Hà Nội	126	43.875	62.25	57.5	42.625		KHÔNG ĐẠT
36	Nguyễn Trường	Giang	16/06/1978	Điện Biên	129	23	51.875	53	18.75		KHÔNG ĐẠT
37	Nguyễn Thị Thu	Hà	25/06/1992	Thanh Hóa	130	36.25	58.25	58	43.125		KHÔNG ĐẠT
38	Nguyễn Thị Việt	Hà	16/04/1997	TP. Hà Nội	140	36.75	71.5	64	34.75		KHÔNG ĐẠT
39	Hoàng Thu	Hà	26/02/1996	TP. Hà Nội	143	46.25	65.5	55.5	42.5		KHÔNG ĐẠT
40	Nguyễn Thị	Hà	22/08/1981	TP. Hà Nội	144	49.075	56.125	54	50.375		ĐẠT
41	Lò Thị Khánh	Hà	15/06/1982	Điện Biên	147	28.125	39.75	65.5	33.75	36	KHÔNG ĐẠT
42	Trần Thị Minh	Hà	10/07/1997	Đà Nẵng	148	36.25	60.5	60.5	39.375		KHÔNG ĐẠT
43	Trần Thị	Hải	28/10/1994	TP. Hà Nội	154	46.875	58	62.5	48.5		KHÔNG ĐẠT
44	Vũ Thanh	Hằng	01/03/1999	TP. Hà Nội	161	34.25	58.25	56	30.375		KHÔNG ĐẠT
45	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/09/1998	TP. Hà Nội	165	45	64.75	60	38.375		KHÔNG ĐẠT
46	Võ Thị Nhật	Hằng	16/10/1997	Khánh Hoà	166	35	59.625	58.5	40		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
47	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	16/09/1990	TP. Hà Nội	171	42.5	62.375	61	36		KHÔNG ĐẠT
48	Hoàng Thị	Hiền	01/06/1995	TP. Hà Nội	177	29.125	66.25	52.5	33.125		KHÔNG ĐẠT
49	Mai Thu	Hiền	30/04/1987	TP. Hà Nội	180	40.875	66	60	43.75		KHÔNG ĐẠT
50	Nguyễn Thị	Hiền	13/11/1994	TP. Hà Nội	183	42.5	59.5	60	32.75		KHÔNG ĐẠT
51	Đào Minh	Hiếu	14/01/1998	TP. Hà Nội	189	46.875	51.375	50	42.875		KHÔNG ĐẠT
52	Đào Đức	Hiếu	26/10/1994	TP. Hà Nội	191	40.625	59	67.5	40		KHÔNG ĐẠT
53	Nguyễn Thị	Hoa	01/10/1977	TP. Hà Nội	195	30.625	51	67.5	31		KHÔNG ĐẠT
54	Trần Thị	Hòa	21/12/1983	TP. Hà Nội	200	42.25	66.25	57.5	43.75		KHÔNG ĐẠT
55	Nhữ Duy	Hòa	30/06/1970	TP. Hà Nội	201	39.375	50.25	52	30		KHÔNG ĐẠT
56	Lao Thị Hồng	Hoài	10/12/1997	TP. Hà Nội	204	41.875	52.125	51	35		KHÔNG ĐẠT
57	Nguyễn Thị Xuân	Hoài	24/08/1993	TP. Hà Nội	205	63.5	37.625	50		44.25	KHÔNG ĐẠT
58	Phan Đình	Hoàn	12/10/1996	TP. Hà Nội	209	33	64.625	52.5	27		KHÔNG ĐẠT
59	Lương Việt	Hoàng	07/06/1998	TP. Hà Nội	213	41.975	57.75	50	32.875		KHÔNG ĐẠT
60	Nguyễn Văn	Hoàng	05/05/1998	TP. Hà Nội	214	45	41.75	50	36.875	44	KHÔNG ĐẠT
61	Nguyễn Thị	Hồng	21/01/1998	Quảng Trị	215	46.125	62.5	54	43.375		KHÔNG ĐẠT
62	Nguyễn Bá	Hưng	14/11/1978	TP. Hà Nội	224	37	57.5	53.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
63	Lê Ngọc	Hưng	01/09/1993	TP. Hà Nội	227	37.75	70.25	55.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
64	Trịnh Xuân	Hương	15/03/1976	TP. Hà Nội	234	29	57.25	62	31.875		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
83	Nguyễn Thanh	Long	16/02/1997	TP. Hà Nội	323	47.35	53	50	36.375		KHÔNG ĐẠT
84	Nguyễn Văn	Long	07/10/1991	TP. Hà Nội	325	40.125	60	60	43.25		KHÔNG ĐẠT
85	Đàm Thị	Lương	29/03/1997	TP. Hà Nội	328	46.5	54.5	50.5	48.75		KHÔNG ĐẠT
86	Lê Thị	Luyến	22/10/1992	TP. Hà Nội	329	48	67.75	56	48.75		KHÔNG ĐẠT
87	Nguyễn Thị	Luyến	05/10/1995	TP. Hà Nội	330	38.125	62.75	56	38.75		KHÔNG ĐẠT
88	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	17/07/1989	TP. Hà Nội	334	40	59.125	52	30.5		KHÔNG ĐẠT
89	Nguyễn Hồng	Mạnh	29/02/1996	TP. Hà Nội	338	38.625	71.625	50	50.75		ĐẠT
90	Cao Thị	Mến	21/05/1992	TP. Hà Nội	339	32.5	57.125	58	36.25		KHÔNG ĐẠT
91	Đàm Xuân	Minh	28/08/1992	Quảng Bình	341	42.25	61.75	51	36.25		KHÔNG ĐẠT
92	Hà Thị	Minh	17/11/1991	TP. Hà Nội	345	40.5	55.25	53.5	40.75		KHÔNG ĐẠT
93	Nguyễn Ngọc	Minh	22/12/1980	TP. Hà Nội	346	35.625	53.25	51	33.125		KHÔNG ĐẠT
94	Hoàng Thị Trà	My	10/07/1997	TP. Hà Nội	349	43.5	53.625	52	36.8125		KHÔNG ĐẠT
95	Nguyễn Xuân	Nam	16/11/1989	TP. Hà Nội	354	39.625	58.25	50	45.875		KHÔNG ĐẠT
96	Trần Hải	Nam	01/07/1993	TP. Hà Nội	355	42.5	65.25	70	36.625		KHÔNG ĐẠT
97	Nguyễn Quang	Nam	30/12/1998	TP. Hà Nội	363	37.375	53.25	62.5	33.5		KHÔNG ĐẠT
98	Nguyễn Thị Kim	Ngân	23/12/1998	TP. Hà Nội	378	43	69.5	62.5	51.875		ĐẠT
99	Phan Văn	Nghĩa	17/10/1981	TP. Hà Nội	381	41.25	69.75	57.5	38.5		KHÔNG ĐẠT
100	Lê Hồng	Ngọc	22/06/1997	Nghệ An	384	47.5	63.625	60	50.625		ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
101	Lê Thị Bích	Ngọc	27/07/1988	TP. Hải Phòng	385	48.125	61	52.5	33.125		KHÔNG ĐẠT
102	Nguyễn Trương Hải	Ngọc	30/06/1979	TP. Hà Nội	389	25	55.5	62.5	25		KHÔNG ĐẠT
103	Trần Linh	Ngọc	04/06/1994	TP. Hà Nội	391	25	64.125	80	25		KHÔNG ĐẠT
104	Trịnh Ngọc	Nhất	27/02/1998	TP. Hà Nội	398	43.875	57.75	52.5	31.875		KHÔNG ĐẠT
105	Nông Thị	Nhung	12/02/1992	TP. Hà Nội	401	31.5	56.875	56	36.875		KHÔNG ĐẠT
106	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	30/10/1981	TP. Hà Nội	405	43.375	71.5	59	34.6875		KHÔNG ĐẠT
107	Nguyễn Kim	Oanh	24/07/1999	TP. Hà Nội	407	47.125	61	52	41.25		KHÔNG ĐẠT
108	Đỗ Hữu	Phong	02/10/1981	TP. Hà Nội	412	38.75	54.125	52	50		ĐẠT
109	Hoàng Thị	Phòng	28/08/1994	TP. Hà Nội	415	30.375	56.5	56	26.125		KHÔNG ĐẠT
110	Nguyễn Như	Phú	28/05/1984	TP. Hà Nội	416	42.125	53.75	52.5	50		ĐẠT
111	Lê Đăng	Phương	02/07/1991	Bắc Ninh	420	40.625	62.125	50.5	49.375		KHÔNG ĐẠT
112	Vũ Thị	Phương	04/02/1997	Quảng Ninh	421	43.75	59.75	52.5	49.125		KHÔNG ĐẠT
113	Đỗ Thị Minh	Phương	14/02/1980	TP. Hà Nội	427	31	45.25	63.5	27.5	45.25	KHÔNG ĐẠT
114	Trần Thị Hà	Phương	11/10/1986	TP. Hà Nội	431	45	55.25	50.5	50.75		ĐẠT
115	Nguyễn Thị Hà	Phương	24/03/1996	TP. Hà Nội	433	61.625	41	69.5		46.5	KHÔNG ĐẠT
116	Nguyễn Thị	Phượng	13/03/1995	TP. Hà Nội	437	39.5	50	50	30		KHÔNG ĐẠT
117	Chu Văn	Quân	28/06/1995	TP. Hà Nội	441	49.125	69.5	51.5	42		KHÔNG ĐẠT
118	Đặng Minh	Quang	02/09/1990	TP. Hà Nội	443	39.875	53.25	50	30		KHÔNG ĐẠT

NG
SƯ
JỐC

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
119	Trần Mạnh	Quyết	23/05/1981	TP. Hà Nội	449	44.5	58.75	68.5	50		ĐẠT
120	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	13/03/1987	TP. Hà Nội	452	41.45	58.75	51	31		KHÔNG ĐẠT
121	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18/08/1997	TP. Hà Nội	454	62.875	43.373	60		46	KHÔNG ĐẠT
122	Vũ Thị Mai	Sao	20/11/1997	TP. Hà Nội	458	44	63	50	38.875		KHÔNG ĐẠT
123	Nguyễn Hồng	Sơn	28/08/1998	TP. Hà Nội	459	21.875	45.1	50	17.5	45.25	KHÔNG ĐẠT
124	Giàng Đình	Sơn	16/12/1994	TP. Hà Nội	460	39.625	61.375	51	39.75		KHÔNG ĐẠT
125	Đào Bá	Sơn	20/06/1999	TP. Hà Nội	462	45.5	64.75	60	50		ĐẠT
126	Nguyễn Văn	Sơn	04/10/1998	TP. Hà Nội	463	43	57.25	55	43.125		KHÔNG ĐẠT
127	Dương Lê	Tài	16/10/1987	TP. Hà Nội	466	37	52	50	28.875		KHÔNG ĐẠT
128	Nguyễn Ngọc	Tân	31/12/1993	TP. Hà Nội	467	48.5	45.875	57.5	38.875	49	KHÔNG ĐẠT
129	Đỗ Trọng	Thắng	13/12/1968	TP. Hà Nội	479	30	52.75	55	39.875		KHÔNG ĐẠT
130	Nguyễn Mạnh	Thắng	19/09/1983	TP. Hà Nội	482	43.75	65.375	55	32.69		KHÔNG ĐẠT
131	Nguyễn Quyết	Thắng	06/05/1997	TP. Hà Nội	483	25	53.375	50	30.625		KHÔNG ĐẠT
132	Phạm Phương	Thảo	12/06/1997	TP. Hà Nội	493	40.5	56.25	57.5	48.375		KHÔNG ĐẠT
133	Phạm Văn	Thế	26/04/1993	TP. Hà Nội	497	36.875	58	50	34.375		KHÔNG ĐẠT
134	Lê Gia	Thịnh	02/10/1997	Quảng Ninh	502	43.5	51.75	50	50.75		ĐẠT
135	Vũ Thị Minh	Thu	30/09/1974	TP. Hà Nội	511	36.25	55.25	57.5	40.625		KHÔNG ĐẠT
136	Nguyễn Hữu	Thực	12/10/1961	TP. Hà Nội	515	37.5	67.5	50	37.875		KHÔNG ĐẠT

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
137	Vũ Quý	Thương	10/01/1977	Thái Bình	516	41.875	66	55	36		KHÔNG ĐẠT
138	Quan Khắc	Thượng	02/11/1998	TP. Hà Nội	522	31.25	73	65	31.25		KHÔNG ĐẠT
139	Tạ Thị Thanh	Thùy	21/03/1982	TP. Hà Nội	523	42.25	43.375	56	33.125	44	KHÔNG ĐẠT
140	Nguyễn Thị Ngọc	Thùy	03/09/1981	TP. Hà Nội	528	44.375	60.25	67.5	45.625		KHÔNG ĐẠT
141	Nguyễn Văn	Tình	08/09/1995	TP. Hà Nội	538	48.375	62	57	44		KHÔNG ĐẠT
142	Bùi Đắc	Tòng	26/04/1964	TP. Hà Nội	547	38.75	57.125	50	30.75		KHÔNG ĐẠT
143	Nguyễn Thị Minh	Trang	16/04/1996	Quảng Ninh	550	31.25	68	67.5	36		KHÔNG ĐẠT
144	Nguyễn Thị Thiên	Trang	30/06/1991	TP. Hải Phòng	554	45.45	56.375	72.5	38.625		KHÔNG ĐẠT
145	Phan Thị	Trang	07/09/1992	TP. Hà Nội	556	40.5	60.5	52.5	41.375		KHÔNG ĐẠT
146	Nguyễn Thu	Trang	08/10/1994	TP. Hà Nội	564	42.625	69.125	72.5	38.75		KHÔNG ĐẠT
147	Hứa Huyền	Trang	09/06/1999	TP. Hà Nội	565	47	50	57.5	37.5625		KHÔNG ĐẠT
148	Ngọ Việt	Trọng	02/07/1989	TP. Hà Nội	572	40.375	54.75	50	39.375		KHÔNG ĐẠT
149	Nguyễn Thành	Trung	01/09/1996	TP. Hà Nội	574	42.1	54.875	52.5	39.125		KHÔNG ĐẠT
150	Ngô Đức	Tú	24/03/1962	Điện Biên	580	50	39.125	50		50.5	ĐẠT
151	Phạm Quốc	Tuấn	21/05/1972	Hưng Yên	587	31.25	42.75	50	35.625	47.75	KHÔNG ĐẠT
152	Trần Thanh	Tùng	18/06/1990	TP. Hà Nội	597	40	50.375	52.5	46.375		KHÔNG ĐẠT
153	Hoàng Thị Ánh	Tuyết	02/09/1978	Vĩnh Phúc	600	42.75	53.25	52.5	46.25		KHÔNG ĐẠT
154	Lê Thị	Tuyết	14/10/1999	TP. Hà Nội	601	44.5	74	57.5	50		ĐẠT

VIỆT
M.A.

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Đoàn luật sư	Số báo danh	Điểm Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Điểm Thực hành	Điểm Phúc tra Kỹ năng hành nghề luật sư	Điểm Phúc tra Pháp luật về LS và HNLS, Bộ Quy tắc ĐĐ và UXNNLSVN	Kết quả
155	Tạ Bích	Vân	20/05/1977	TP. Hà Nội	604	58.625	41.5	67.5		46.5	KHÔNG ĐẠT
156	Nguyễn Thị Thanh	Vân	29/07/1996	TP. Hà Nội	608	55	46	67.5		50	ĐẠT
157	Nguyễn Đức	Việt	17/07/1962	TP. Hà Nội	613	23.75	35.375	52.5	20	36	KHÔNG ĐẠT
158	Nguyễn Thị	Xuyên	04/03/1996	TP. Hà Nội	618	45.5	56.25	62.5	50		ĐẠT